

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02/2023/HS-ST**

Ngày: 13-01-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Võ Nhân Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Ngọc Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST - HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Minh T**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú: Ấp PH, xã PK, huyện TP, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Văn Ng, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Có vợ là Nguyễn Phương V, sinh năm 1999 và 01 người con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/7/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

Người bị hại:

1. Chị Văng Thị Mỹ T1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp TT, xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt không lý do)

2. Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1958; Nơi cư trú: ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/7/2022, Huỳnh Minh T điều khiển xe mô tô biển số 63B9 - 762.85 của T đi trên đường từ nhà ở xã PK, huyện TP, tỉnh Bến Tre đến xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre tìm người đi đường có đeo dây chuyền để giật. Khi đến khu vực thuộc ấp BD1, xã HM, huyện MCN thì phát hiện chị Văng Thị Mỹ T1 đang điều khiển xe mô tô chở con gái tên Nguyễn Ngọc Như Y lưu thông cùng chiều phía trước, trên cổ chị T1 có đeo sợi dây chuyền vàng nên T điều khiển xe vượt lên, chạy cặp bên phải xe chị T1, dùng tay trái giật được sợi dây chuyền của chị T1 rồi tăng ga xe tẩu thoát. Chị T1 liền truy hô thì được người dân hỗ trợ truy đuổi và bắt giữ được T cùng tang vật giao cho Công an xử lý.

- Vật chứng của vụ án và các đồ vật thu giữ được gồm có:

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B9 - 762.85, nhãn hiệu Superdream, số khung: VDMPCG0011M003556, số máy: DGE100-1003556;

+ 01 (một) áo thun màu đen, mặt sau thân áo có chữ “DIS OUT”;

+ 01 (một) quần sọt màu đen;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có chữ “Max” phía trước;

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 54 cm, kiểu dây mắt xích đã bị đứt, đoạn bị đứt ngắn nhất cách khóa hộp 08 cm. Riêng mặt dây chuyền bằng vàng 18K, khối lượng 0,8 chỉ, cần hạt màu đỏ (theo lời khai của chị Tuyền) đã bị rút mất không thu hồi được.

Tại Thông báo kết quả giám định số: 00462/N1.22/TĐ ngày 25/8/2022 của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 54 cm, kiểu dây mắt xích đã bị đứt, đoạn bị đứt ngắn nhất cách khóa hộp 08 cm là hợp kim vàng 17K, có khối lượng 13,4842 gam.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTS ngày 26/10/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Công an huyện Mỏ Cày Nam kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 17K, có khối lượng 13,4842 gam, dài 54 cm, kiểu dây mắt xích đã bị đứt, đoạn bị đứt ngắn nhất cách khóa hộp 08 cm có giá trị là 12.904.379 đồng.

+ 01 (một) mặt dây chuyền bằng vàng 18K, khối lượng 0,8 chỉ, cần hạt màu đỏ (theo chị Tuyền phần hạt màu đỏ không có giá trị) có giá trị là 2.960.000 đồng.

Qua đấu tranh, Huỳnh Minh T khai nhận trước đó đã thực hiện 02 vụ cướp giật được 02 sợi dây chuyền vàng trên địa bàn huyện TP, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

* **Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 06 giờ ngày 13/6/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 63B9-762.85 nêu trên đi từ nhà đến xã AD, huyện TP, tỉnh Bến Tre tìm người đi đường có đeo dây chuyền để giật. Khi đến Trường tiểu học AD thuộc ấp AD, xã AD thì phát hiện bà Đặng Thị T2 điều khiển xe đạp điện chở cháu Nguyễn Minh Th đang dừng trước cổng trường, trên cổ bà T2 có đeo sợi dây chuyền vàng nên T cho xe chạy chậm lại chờ. Khi bà T2 điều khiển xe chạy qua xe của T thì T điều khiển xe vượt lên phía bên phải, song song với xe bà T2, giả vờ hỏi thăm đường rồi dùng tay trái giật

được sợi dây chuyền của bà T2 và tăng ga xe tàu thoát. Sau đó, T đem sợi dây chuyền giặt được đến tiệm vàng “Ngân Lượng” ở ấp KP, xã ĐĐ, huyện TP do bà Nguyễn Thị Kim C làm chủ bán được số tiền 8.890.000 đồng, T sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua sợi dây chuyền vàng T bán, bà C đã nấu chảy cùng với vàng khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Theo lời khai của bà T2, sợi dây chuyền bị giặt có mặt mề đai gắn cắm thạch hình trái tim, màu xanh, tổng khối lượng 4,5 chỉ vàng 18K.

- Vật chứng của vụ án và các đồ vật được thu giữ gồm:

+ 01 (một) xe đạp điện hiệu ASAMA, màu cam - đen, phía trước có gắn rổ nhựa màu đen;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, loại nón lưỡi trai, phía trước nón có dòng chữ Safe;

+ 01 (một) áo vải thun, tay ngắn, màu xanh rêu, cổ áo dạng chữ U có 05 cúc áo bằng nhựa màu đen, trên áo có nhiều chấm màu trắng - đen, kích thước dài 55 cm, ngang 50 cm;

+ 01 (một) quần vải thun, màu xanh rêu, bên phải có túi nhỏ, có nhiều chấm màu đen - trắng, kích thước dài 84 cm, ngang 30 cm;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, loại nón lưỡi trai, mũ nón màu đen, trước và sau nón có dòng chữ Honda màu đỏ;

+ 01 (một) đầm đồng phục học sinh, cổ tròn, tay ngắn, bên tay áo trái có Logo Trường tiểu học An Điền, phần áo màu trắng, phần váy màu sọc đỏ - đen, kích thước dài 82 cm, ngang 63 cm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62 ngày 05/8/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TP kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền trọng lượng 4,5 chỉ vàng 18K, trên mặt dây chuyền có gắn cắm thạch hình trái tim màu xanh có giá trị là 15.300.000 đồng.

*** Vụ thứ hai:** Vào khoảng 06 giờ ngày 12/7/2022, Huỳnh Minh T điều khiển xe mô tô biển số 63B9-762.85 đi từ nhà đến xã MA, huyện TP, tỉnh Bến Tre tìm người đi đường có đeo dây chuyền để giặt. Khi đến khu vực ấp TM, xã MA thì phát hiện bà Phạm Thị Th đang đi xe đạp chạy ngược chiều với T, trên cổ bà Th có đeo sợi dây chuyền vàng nên T đuổi theo qua mặt xe bà Th khoảng 500 m thì quay xe lại, giả vờ hỏi thăm đường. Khi bà Th dừng xe lại đối diện xe của T và chỉ đường thì T dùng tay trái giặt được sợi dây chuyền của bà Th rồi tăng ga xe tàu thoát. Sau đó, T đem sợi dây chuyền giặt được đến tiệm vàng “Phú Vinh” ở ấp TA, xã TP, huyện TP do ông Phan Văn B làm chủ bán được số tiền 11.060.000 đồng. T cho bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột) số tiền 1.800.000 đồng, số tiền còn lại T sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua vàng, ông B cũng nấu chảy hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Theo lời khai của bà Th, sợi dây chuyền bị giặt có mặt mề đai gắn cắm thạch, màu xanh, tổng khối lượng 5,5 chỉ vàng 18K.

- Vật chứng của vụ án và các đồ vật được thu giữ gồm:

+ 01 (một) áo bà ba vải, ngắn tay, kích thước 50 cm x 60 cm, màu trắng, cổ áo hình trái tim, trên áo có nhiều họa tiết hình bông hoa, trên áo ở phía trước có hai túi ở hai bên thân áo, mỗi túi có đáy cách vạt dưới của áo là 05 cm, không phát hiện vết rách;

+ 01 (một) quần bà ba vải, kích thước 56 cm x 70 cm, màu xanh đậm, trên quần có nhiều hoa văn nhiều màu đỏ-xanh lá-trắng, không phát hiện vết rách;

+ 01 (một) xe đạp hiệu Martin, màu trắng.

Tại kết luận định giá tài sản theo lời khai của bị hại số 64 ngày 05/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TP kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng có mặt dây chuyền hình tròn bằng cẩm thạch, màu xanh với tổng trọng lượng 5,5 chỉ vàng 18K có giá trị là 18.150.000 đồng.

Ngoài ra, Huỳnh Minh T còn khai nhận khoảng cuối tháng 6/2022 (không nhớ ngày), T điều khiển xe mô tô trên đến khu vực gần ngã ba xã MA, huyện TP, tỉnh Bến Tre thì phát hiện và giật sợi dây chuyền của một người phụ nữ đi xe mô tô một mình nhưng không giật được. Hiện chưa xác định được bị hại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã trả cho bà Đặng Thị T2 01 (một) xe đạp điện, 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, 01 (một) áo vải thun, 01 (một) quần vải thun, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng và 01 (một) đầm đồng phục học sinh (có đặc điểm như biên bản tạm giữ); Trả cho bà Phạm Thị Th 01 (một) áo bà ba vải, 01 (một) quần bà ba vải và 01 (một) xe đạp (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 42 ngày 30/8/2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN đã trả cho chị Văng Thị Mỹ T1 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 17K (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 44 ngày 03/11/2022. Các vật chứng còn lại tiếp tục tạm giữ.

Bị cáo Huỳnh Minh T đã tác động gia đình bồi thường giá trị mặt dây chuyền vàng bị rút mất cho chị Văng Thị Mỹ T1 số tiền 4.000.000 đồng, chị T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà Đặng Thị T2 yêu cầu bị cáo Huỳnh Minh T bồi thường số tiền 15.300.000 đồng và bà Phạm Thị Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.150.000 đồng như kết quả định giá. Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSMCN ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện MCN truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam để xét xử đối với bị cáo Huỳnh Minh T về “Tội cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về “Tội cướp giật tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có không có tài sản.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã trả cho bà Đặng Thị T2 01 (một) xe đạp điện, 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, 01 (một) áo vải thun, 01 (một) quần vải thun, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng và 01 (một) đầm đồng phục học sinh (có đặc điểm như biên bản tạm giữ); Trả cho bà Phạm Thị Th 01 (một) áo bà ba vải, 01 (một) quần bà ba vải và 01 (một) xe đạp (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 42 ngày 30/8/2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN đã trả cho chị Văng Thị Mỹ T1 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 17K (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 44 ngày 03/11/2022

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun màu đen, mặt sau thân áo có chữ “DIS OUT”; 01 (một) quần sọt màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có chữ “MAX” phía trước do bị cáo Huỳnh Minh T không yêu cầu nhận lại.

+ Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước của Huỳnh Minh T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B9 - 762.85, nhãn hiệu Superdream, số khung: VDMPCG0011M003556, số máy: DGE100-1003556 là phương tiện phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 468, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị cáo Huỳnh Minh T đã bồi thường cho bị hại Văng Thị Mỹ T1 số tiền 4.000.000 đồng. Buộc bị cáo Huỳnh Minh T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đặng Thị T2 số tiền 15.300.000 đồng và bồi thường cho bị hại Phạm Thị T số tiền 18.150.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim C, ông Phan Văn B đã mua vàng của bị cáo Huỳnh Minh T bán và bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột của bị cáo) có nhận tiền của bị cáo T. Do tất cả không biết được tài sản do bị cáo cướp giật mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Riêng đối với vụ Cướp giật tài sản xảy ra vào khoảng cuối tháng 6/2022 trên địa bàn huyện TP, do hiện tại chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Bị cáo Huỳnh Minh T trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện MCN truy tố. Bị cáo đã tác động gia đình thay bị cáo bồi thường cho bị hại T1 số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 15.300.000 đồng cho bị hại T2 và số tiền 18.150.000 đồng cho bị hại Th. Bị cáo không yêu cầu nhận lại vật chứng và đồ vật của bị cáo, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật, bị cáo không có ý kiến gì khác.

Bị hại Văng Thị Mỹ T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Tài sản chị bị cướp giật là 01 sợi dây chuyền vàng có mặt cần hạt màu đỏ. Chị đã nhận lại sợi dây chuyền do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN giao trả và nhận số tiền 4.000.000 đồng do gia đình bị cáo T bồi thường. Về trách nhiệm dân sự: Chị không yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự: Chị yêu cầu Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đặng Thị T2 trình bày: Tài sản bà bị cướp giật là 01 sợi dây chuyền có mặt mẽ đai gắn cắm thạch hình trái tim màu xanh, trọng lượng 4,5 chỉ vàng 18K. Bà đã nhận lại 01 xe đạp điện, 01 nón bảo hiểm màu tím, 01 áo vải thun, 01 quần vải thun, 01 nón bảo hiểm màu trắng và 01 đầm đồng phục học sinh. Về trách nhiệm dân sự: Bà yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị của tài sản bị thiệt hại là 15.300.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự: Bà yêu cầu Tòa xét xử bị cáo T theo đúng quy định pháp luật.

Bị hại Phạm Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Tài sản bà bị cướp giật là 01 sợi dây chuyền có mặt mẽ đai gắn cắm thạch màu xanh, trọng lượng 5,5 chỉ vàng 18K. Bà đã nhận lại 01 áo bà ba vải, 01 quần bà ba vải và 01 xe đạp điện. Về trách nhiệm dân sự: Bà yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị của tài sản của bà bị thiệt hại là 18.150.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự: Bà yêu cầu Tòa xét xử bị cáo T theo đúng quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy lỗi của mình gây ra cho các bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về xã hội. Bị cáo sẽ đi làm để có thu nhập nuôi cha mẹ, vợ con và bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với các bị hại Văng Thị Mỹ T1, Phạm Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Xét thấy, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ ý kiến và yêu cầu của bị hại T1 và Th nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, kết quả giám định và lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2022, bị cáo T đã sử dụng xe mô tô biển số 63B9-762.85 để thực hiện 03 vụ cướp giật trên địa bàn huyện TP và huyện MCN, tỉnh Bến Tre để bán lấy tiền. Trong đó: Ngày 13/6/2022, bị cáo giật của bà Đặng Thị T2 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị là 15.300.000 đồng tại ấp AĐ, xã AĐ, huyện TP; Ngày 12/7/2022, giật của bà Phạm Thị

Th 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị là 18.150.000 đồng tại ấp TM, xã MA, huyện TP và ngày 22/7/2022, giật của chị Văng Thị Mỹ T1 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị là 15.864.379 đồng tại ấp BD1, xã HM, huyện MCN. Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt được xác định là 49.314.379 đồng.

[4] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì động cơ tư lợi cá nhân, thái độ xem thường pháp luật, mục đích chiếm đoạt tài sản nên bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô vượt lên giật dây chuyền của các bị hại Văng Thị Mỹ T1, Đặng Thị T2, Phạm Thị Th. Xét thấy, bị cáo đã sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và sau đó tăng ga xe để tẩu thoát nên bị cáo phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song, vì tham lam, xem thường pháp luật, tài sản của các bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và bất bình trong nhân dân. Với ý thức, hành vi, thủ đoạn thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, hành vi của bị cáo Huỳnh Minh T đã cấu thành “*Tội cướp giật tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 45/CT-VKS-MCN ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam truy tố bị cáo Huỳnh Minh T phạm “*Tội cướp giật tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim C, ông Phan Văn B đã mua vàng của bị cáo Tiền bán và bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột của bị cáo) có nhận tiền của bị cáo. Do tất cả không biết được tài sản do bị cáo cướp giật mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Riêng đối với vụ Cướp giật tài sản xảy ra vào khoảng cuối tháng 6/2022 trên địa bàn huyện TP, do hiện tại chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng:

[5.1] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong những khoảng thời gian độc lập nhau, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành “*Tội cướp giật tài sản*” nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.2] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại (bồi thường cho bị hại T1 số tiền 4.000.000 đồng), được bị hại T1 xin giảm nhẹ hình phạt

nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.3] Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6] Do đó, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, để thể hiện sự răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật, xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng cho bị cáo, đồng thời cách ly bị cáo với hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại Văng Thị Mỹ T1 số tiền 4.000.000 đồng. Bị hại Đặng Thị T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.300.000 đồng; Bị hại Phạm Thị Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.150.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những bị hại. Vì vậy, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà T2 số tiền 15.300.000 đồng và bồi thường cho bà Th số tiền 18.150.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã trả cho bà Đặng Thị T2 01 (một) xe đạp điện, 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, 01 (một) áo vải thun, 01 (một) quần vải thun, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng và 01 (một) đầm đồng phục học sinh (có đặc điểm như biên bản tạm giữ); Trả cho bà Phạm Thị Th 01 (một) áo bà ba vải, 01 (một) quần bà ba vải và 01 (một) xe đạp (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 42 ngày 30/8/2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN đã trả cho chị Văng Thị Mỹ T1 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 17K (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 44 ngày 03/11/2022; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun màu đen, mặt sau thân áo có chữ “DIS OUT”; 01 (một) quần sọt màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có chữ “MAX” phía trước do bị cáo Huỳnh Minh T không yêu cầu nhận lại; Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B9 - 762.85, nhãn hiệu Superdream, số khung: VDMPCG0011M003556, số máy: DGE100-1003556 là phương tiện phạm tội.

[10] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng, đề nghị giải quyết các vấn đề khác là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về án phí:

Bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: $(15.300.000 \text{ đồng} + 18.150.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.673.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm “Tội cướp giật tài sản”.

[1] Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 22/7/2022.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 468, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị cáo Huỳnh Minh T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Văng Thị Mỹ T1 số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Buộc bị cáo Huỳnh Minh T bồi thường cho bà Đặng Thị T2 số tiền 15.300.000 (Mười lăm triệu ba trăm nghìn) đồng và bồi thường cho bà Phạm Thị Th số tiền 18.150.000 (Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã trả cho bà Đặng Thị T2 01 (một) xe đạp điện, 01 (một) nón bảo hiểm màu tím, 01 (một) áo vải thun, 01 (một) quần vải thun, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng và 01 (một) đầm đồng phục học sinh (có đặc điểm như biên bản tạm giữ); Trả cho bà Phạm Thị Th 01 (một) áo bà ba vải, 01 (một) quần bà ba vải và 01 (một) xe đạp (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 42 ngày 30/8/2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MCN đã trả cho chị Văng Thị Mỹ T1 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 17K (có đặc điểm như biên bản tạm giữ) theo Quyết định xử lý vật chứng số 44 ngày 03/11/2022.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun màu đen, mặt sau thân áo có chữ “DIS OUT”; 01 (một) quần sọt màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có chữ “MAX” phía trước do bị cáo Huỳnh Minh T không yêu cầu nhận lại.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước của Huỳnh Minh T 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B9 - 762.85, nhãn hiệu Superdream, số khung: VDMPCG0011M003556, số máy: DGE100-1003556.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/12/2022, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCN đang quản lý).

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bị cáo Huỳnh Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.673.000 (Một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện MCN (1b);
- Công an huyện MCN (1b);
- Trại giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện MCN (1b);
- Bị cáo (1b), bị hại (3b);
- Bộ phận Thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (HS,VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang